



Biểu tượng trong văn bản thơ nhìn từ mục tiêu dạy học đọc hiểu ở nhà trường phổ thông

Nguyễn Thị Mai Hương

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 29/12/2025

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 10/3/2026

Ngày nhận đăng: 18/3/2026

Ngày xuất bản: 20/8/2026

Từ khóa:

Biểu tượng;

Dạy học đọc hiểu;

Phương pháp dạy học;

Thơ hiện đại Việt Nam;

Mục tiêu.

TÓM TẮT

Bài viết tập trung nghiên cứu biểu tượng trong văn bản thơ từ góc nhìn mục tiêu dạy học đọc hiểu Ngữ văn 12 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Dựa trên cơ sở tổng hợp và đối chiếu các quan niệm cơ bản về biểu tượng; bài viết làm rõ những đặc điểm cơ bản của biểu tượng trong văn bản thơ. Đồng thời, phân tích các yêu cầu cần đạt và kiến thức văn học (thơ hiện đại Việt Nam) trong chương trình Ngữ văn 12 (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống); khảo sát hệ thống các biểu tượng tiêu biểu. Qua đó định hướng mục tiêu dạy học đọc hiểu biểu tượng trong văn bản thơ hiệu quả và mang tính khả thi, góp phần phát triển năng lực đọc hiểu, đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học Ngữ văn hiện nay.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thơ hiện đại Việt Nam, biểu tượng là yếu tố nghệ thuật quan trọng nhưng thường gây khó khăn cho học sinh (HS) trong quá trình đọc hiểu (ĐH) do tính trừu tượng và đa nghĩa. Trong thực tiễn dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông, việc tiếp cận biểu tượng còn nặng về lý giải khái niệm “lấy vấn đề trừu tượng để lý giải một khái niệm trừu tượng”; các khái niệm còn chồng chéo về cách hiểu như: hình tượng, yếu tố tượng trưng hay biểu tượng; cách thức tổ chức hoạt động học tập còn hạn chế để HS nhận diện và khám phá biểu tượng một cách hiệu quả và mang tính khả thi.

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018) môn Ngữ văn, lớp 12 đã xác định các yêu cầu cần đạt (YCCĐ) về ĐH các yếu tố đặc trưng của thơ trữ tình hiện đại, trong đó có biểu tượng. Tuy nhiên, khoảng trống đặt ra là làm thế nào để chuyển hóa YCCĐ về ĐH biểu tượng thành những cách tiếp cận gián lược, phù hợp với năng lực tiếp nhận ĐH của HS, đồng thời vẫn đảm bảo chiều sâu thẩm mỹ của các VB thơ.

Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết hướng đến làm rõ các YCCĐ của văn bản (VB) thơ lớp 12, CTGDPT 2018; chỉ rõ mối liên hệ giữa các YCCĐ nhằm kết nối những chức năng mà biểu tượng thể hiện trong VB thơ. Từ đó đề xuất, định hướng các mục tiêu ĐH biểu tượng trong thơ hiện đại một cách hiệu quả và thiết thực, “thêm” một cách đọc mới, góp phần đa dạng hoá phương pháp dạy học ĐH thơ trữ tình Việt Nam hiện đại, Ngữ văn 12 trong nhà trường phổ thông.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp các quan niệm về biểu tượng, làm rõ khái niệm, các đặc điểm cơ bản của biểu tượng trong thơ trữ tình hiện đại, làm cơ sở lý luận trong dạy học ĐH. Đồng thời, phương pháp này cũng được vận dụng để phân tích chương trình CTGDPT 2018 và bộ sách giáo khoa (SGK), sách giáo viên (SGV) Ngữ văn 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống (KNTT với CS). Đối chiếu các YCCĐ, kiến thức văn học và lý luận về biểu tượng được nghiên cứu để cân đối, định hướng mục tiêu ĐH biểu tượng trong dạy học ĐH thơ trữ tình Việt Nam hiện đại một cách khả thi và phù hợp với thực tiễn lớp học (Đặng, 2017).

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Mai Hương;

Địa chỉ e-mail: nguyenmaihuong@husc.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.128.2026>

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả

3.1.1. Biểu tượng trong văn bản thơ

3.1.1.1. Khái niệm

Để hiểu rõ khái niệm của biểu tượng trong đời sống và nghệ thuật, trước hết cần trở về với nguồn gốc của khái niệm này trong lịch sử nhân loại. Khởi nguyên, biểu tượng (symbole): “là một vật được cắt làm đôi, mảnh sứ, gỗ hay kim loại. Hai người mỗi bên giữ một phần, chủ và khách, người cho vay và người đi vay, hai kẻ hành hương, hai người sắp chia tay nhau lâu dài... Sau này, ráp hai mảnh lại với nhau, họ sẽ nhận ra mối dây thân tình xưa, món nợ cũ, tình bạn ngày trước. Ở người Hy Lạp thời Cổ đại, biểu tượng còn là những dấu hiệu để cha mẹ nhận ra con cái bị lưu lạc. Bằng lối loại suy, từ được mở rộng nghĩa, chỉ các tấm thẻ, cảm chứng thì có thể linh lương, phụ cấp hay thực phẩm; chỉ mọi dấu hiệu tập hợp, chỉ các điềm triệu hay các quy ước. Biểu tượng chia ra và kết lại với nhau, nó chứa hai ý tưởng phân ly và tái hợp; nó gợi lên ý một cộng đồng, đã bị chia tách và có thể tái hình thành” (Chevalier & Gheerbrant, 1997, p. 22). Biểu tượng khởi nguồn từ một vật bị chia làm hai mảnh nhưng có khả năng ghép lại để nhận ra mối liên hệ ban đầu. Vì vậy, bản chất của biểu tượng là một dấu hiệu gợi nhắc và tái kết nối ý nghĩa: từ một hình ảnh cụ thể có thể khơi mở những tầng nghĩa sâu xa hơn (ký ức, quan hệ, giá trị văn hóa, cảm xúc...). Freud cũng định nghĩa về biểu tượng: “*biểu tượng diễn đạt một cách gián tiếp, bóng gió và ít nhiều khó nhận ra, niềm ham muốn hay các xung đột. Biểu tượng là mối liên kết thống nhất nội dung rõ rệt của một hành vi, một tư tưởng, một lời nói với ý nghĩa tiềm ẩn của chúng...*” (Jung, 1950, p. 477). Biểu tượng là cách diễn đạt gián tiếp và hàm ẩn những cảm xúc, khát vọng hay xung đột nội tâm của con người; trong đó, ý nghĩa bề mặt của hình ảnh, lời nói chỉ là lớp vỏ, còn ý nghĩa sâu xa nằm ở tầng nghĩa tiềm ẩn phía sau (Eliade, 1949; Laplanche & Pontalis, 1967).

Từ các cách tiếp cận từ phương Tây, khi đặt trong bối cảnh giáo dục Việt Nam hiện nay, bộ KNTT với CS cũng tiếp cận biểu tượng như: “*một hình ảnh giàu tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả đơn thuần, mang nhiều tầng nghĩa và gợi suy tư về những giá trị phổ quát*” (Bùi et al., 2024a, p. 40). Như vậy, dù xuất phát từ những hệ thống lý luận khác nhau, các cách hiểu này đều gặp nhau ở việc khẳng định khả năng gợi mở và chiều sâu ý nghĩa của biểu tượng. Biểu tượng trong văn thơ có mức độ mở khác nhau, từ những biểu tượng quen thuộc, gần gũi với trải nghiệm văn hóa của HS đến những biểu tượng có tính trừu tượng cao, đòi hỏi năng lực liên tưởng và kiến giải sâu hơn trong quá trình ĐH.

3.1.1.2. Đặc điểm

Biểu tượng luôn khởi nguồn từ một hình ảnh cụ thể trong đời sống hoặc trong văn bản nghệ thuật. Tuy nhiên, nó không tồn tại biệt lập mà được hình thành và bồi đắp qua thời gian dài. SGK Ngữ văn (Bộ KNTT với CS) đã trích lược một vài đặc điểm quan trọng của biểu tượng: “*Biểu tượng thường được hình thành trong khoảng thời gian dài, vì vậy ý nghĩa của nó không ngừng được bổ sung và có thể “sống” bên ngoài văn bản. Không chỉ mang khả năng khái quát bản chất của hiện tượng, biểu tượng còn hàm chứa những quan niệm, triết lý sâu sắc về con người và cuộc sống*” (Bùi et al., 2024a, p. 40). Chính điều đó khiến quá trình hình thành và phát triển biểu tượng luôn chịu sự chi phối của các yếu tố tâm lý, văn hoá, tôn giáo và cả bối cảnh lịch sử, xã hội của từng dân tộc và thời đại. Với đặc điểm đó, biểu tượng không chỉ là sản phẩm của cá nhân nghệ sĩ, mà còn là hiện thân của một lớp ký ức tập thể, đôi khi vượt thoát khỏi VB nghệ thuật để trở thành cổ mẫu, nơi tinh thần cộng đồng được lắng đọng và lưu truyền qua các thế hệ. Chính vì thế, đặc điểm thứ nhất của biểu tượng là tính đại diện và khả năng khái quát cao.

Giá trị nội tại của biểu tượng được xác định chính trong sự chuyển vượt từ cái đã biết sang cái chưa biết, từ cái đã diễn đạt sang khó tả nên lời. Nếu cái phần giấu kín một ngày nào đó lộ ra hết, thì biểu tượng sẽ chết. Quan niệm về biểu tượng đã vượt lên mọi cách giải thích có thể nghĩ ra được: “*Khi một biểu tượng còn sống, nó là cách biểu hiện tốt nhất một sự kiện; nó chỉ sống khi nó ứ đầy ý nghĩa. Khi ý nghĩa đó bày lộ ra, nói cách khác: khi ta tìm được cách diễn đạt tốt hơn cái sự vật ta tìm kiếm, bất ngờ hay được dự cảm, lúc đó biểu tượng sẽ chết: nó chỉ còn một giá trị lịch sử*” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a). Như đã được khẳng định, biểu tượng là hình thức biểu hiện tối ưu của một thực tại được dự cảm; tồn tại trong trạng thái “ứ đầy ý nghĩa” và chỉ chết khi ý nghĩa ấy được thay thế bằng một cách diễn đạt khác rõ ràng hơn. Tuy nhiên, để biểu tượng còn sống, nó không chỉ vượt qua bình diện lý trí hay sức hấp dẫn thẩm mỹ đơn thuần mà còn phải khơi gợi một đời sống tinh thần nơi người tiếp nhận. Chỉ những biểu tượng nào có khả năng đánh thức cái chưa được ý thức trọn vẹn, khơi gợi sự tham dự của vô thức và tạo nên sự cộng hưởng nội tâm, mới thực sự là biểu tượng sống. Ở đó, biểu tượng không chỉ được “hiểu” mà còn được “cảm nghiệm”, tạo nên một sự rung động sâu xa trong chủ thể tiếp nhận. Biểu tượng là sự cộng hưởng giữa tầng ý nghĩa sâu kín và khả năng đánh thức tiềm thức nơi người tiếp nhận - một sức mạnh mà chỉ nghệ thuật đích thực mới tạo ra. Đây cũng là một đặc điểm thứ hai của biểu tượng: Tính hàm nghĩa, đa tầng.

Một đặc điểm quan trọng của biểu tượng là khả năng liên thông và thâm nhập lẫn nhau. Giữa các biểu tượng không tồn tại những ranh giới khép kín; trái lại, chúng luôn có khả năng chuyển hóa và kết nối: “*Luôn luôn có một liên hệ khá dĩ từ cái này sang cái kia. Không gì xa lạ với tư duy biểu tượng hơn là tư tưởng chuyên nhất về quan điểm hay nguyên lý bài trung. Các nội dung biểu tượng có cái mà C. G. Jung gọi là một quan hệ thân cận về bản chất*” (Jung, 1950, p. 147). Mỗi quan hệ thân cận này thể hiện ở sự gắn kết đa dạng của biểu tượng với cái siêu nghiệm, tức những giá trị vượt lên trên trải nghiệm trực tiếp và tư duy thuần lý tính. Khi giữa hai hình ảnh hoặc hai tầng thực tại hình thành một tương quan về cấp độ, trật tự hay ý nghĩa - dù mỗi tương quan đó chưa được lý giải một cách duy lý thì biểu tượng đã xuất hiện ở dạng tiềm ẩn. Từ đó, mỗi biểu tượng có thể được xem như một mắt xích trong tiến trình hướng tới những giá trị phổ quát và bền vững của cảm thức nhân loại. Trong văn chương, biểu tượng vừa là kết tinh của kinh nghiệm văn hóa, vừa là động lực khơi mở chiều sâu tâm linh và nhận thức của con người.

Tóm lại, biểu tượng trước hết mang tính đại diện và khả năng khái quát, bởi nó vượt khỏi hình ảnh cụ thể để hàm chứa những giá trị văn hoá, lịch sử và triết lý về con người, cuộc sống. Đồng thời, biểu tượng nổi bật ở tính hàm nghĩa, đa tầng, luôn “*ứ đầy ý nghĩa*”, gợi mở nhiều lớp nghĩa và chỉ thực sự sống khi khơi dậy được sự cộng hưởng nơi người tiếp nhận. Bên cạnh đó, biểu tượng còn có tính liên thông và khả năng tổ chức thể giới nghệ thuật. Chính ba đặc điểm này làm nên chiều sâu thẩm mỹ và sức sống bền vững của biểu tượng trong thơ trữ tình. Với những đặc điểm ấy đã chi phối quá trình ĐH biểu tượng thơ trữ tình trong nhà trường phổ thông, Ngữ văn 12; đòi hỏi HS cần được định hướng để nhận diện, khám phá và kiến tạo ý nghĩa hệ thống các biểu tượng trong VB.

3.1.2. Yêu cầu cần đạt và kiến thức văn học về đọc hiểu văn bản thơ

Bảng 1. Trích lược yêu cầu cần đạt và kiến thức văn học trong dạy học đọc hiểu ở văn bản thơ Ngữ văn 12

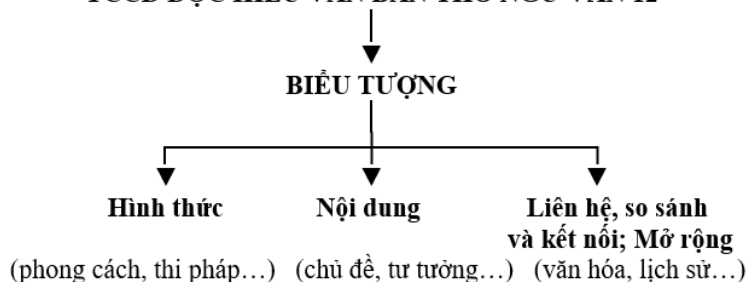
	Yêu cầu cần đạt	Kiến thức Văn học
Đọc hiểu hình thức	“- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển, hiện thực và lãng mạn qua các tác phẩm văn học tiêu biểu đã học. - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại: Hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b, p. 73).	“1.1. Chức năng nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của văn học 1.2. Sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng
Đọc hiểu nội dung	“- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản. - Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh từ văn bản” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b, p. 73).	2.1. Một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại
Đọc liên hệ, so sánh, kết nối	“- Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này. - Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học. - Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội. - Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kỹ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b, pp. 73-74).	- Thơ trữ tình hiện đại: ngôn ngữ, hình ảnh, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b, p. 74).
Đọc mở rộng	“- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b, p. 74).	

Trong Chương trình Ngữ văn 2018, ĐH được xác định là hoạt động trung tâm của dạy học Ngữ văn, hướng tới hình thành năng lực cảm thụ, phân tích và đánh giá VB của người học. Đối với thể loại thơ trữ tình hiện đại, chương trình đặc biệt nhấn mạnh việc nhận diện và phân tích các yếu tố nghệ thuật như hình tượng,

biểu tượng, yếu tố tượng trưng và siêu thực, coi đây là cơ sở để người học khám phá ý nghĩa thẩm mỹ và tư tưởng của tác phẩm. Bảng 1 dưới đây trích lược YCCĐ và Kiến thức văn học liên quan đến dạy học ĐH ở VB thơ Ngũ văn 12 một cách tổng thể, làm cơ sở cho việc xác định mục tiêu và tổ chức hoạt động dạy học ĐH biểu tượng trong VB thơ sao cho phù hợp.

Trong Chương trình Ngữ văn 12, biểu tượng được xác lập như một yếu tố quan trọng của thơ trữ tình hiện đại, được cụ thể hóa trong hệ thống Kiến thức văn học và YCCĐ về ĐH hình thức. Hệ thống Kiến thức văn học đã xác lập biểu tượng như một thành tố cấu thành quan trọng của thi pháp thơ trữ tình hiện đại; bên cạnh ngôn ngữ, hình ảnh và các yếu tố tượng trưng, siêu thực. Cách xác lập này phù hợp với quan niệm lý luận coi biểu tượng là hình thức nghệ thuật có khả năng hàm chứa nhiều tầng nghĩa; vừa mang tính tạo hình, vừa mở ra chiều sâu tư tưởng và cảm xúc thẩm mỹ. Tuy nhiên, khi nhìn một cách tổng quát các YCCĐ thì chúng ta có thể thấy ngoài YCCĐ trực tiếp nêu “biểu tượng”, hệ thống yêu cầu còn lại hoàn toàn có thể tích hợp thông qua trục ĐH biểu tượng như một “điểm hội tụ” của hình thức - nội dung - liên hệ, so sánh, kết nối - mở rộng dựa vào khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và vai trò biểu tượng trong thơ.

YCCĐ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ NGŨ VĂN 12



Sơ đồ 1. Vai trò tích hợp của biểu tượng trong đọc hiểu văn bản thơ.

YCCĐ ĐH hình thức đã đề cập đến một số phương diện trong ĐH VB thơ như: “- **Nhận biết** được một số đặc điểm cơ bản của **phong cách cổ điển, hiện thực và lãng mạn** qua các tác phẩm văn học tiêu biểu đã học.” (Durand, 1963, p. 73). Biểu tượng phản ánh cách nhà thơ kiến tạo thế giới nghệ thuật: khuynh hướng cổ điển thiên về biểu tượng mang tính quy phạm và hàm ước; khuynh hướng hiện thực biểu tượng nhấn mạnh sự gắn bó với đời sống; khuynh hướng lãng mạn và hiện đại lại mở rộng biên độ liên tưởng, gia tăng tính đa nghĩa. Như vậy, phong cách không chỉ nhận diện qua bút pháp mà qua cách tổ chức và vận hành biểu tượng. Việc nhận biết phong cách cổ điển, hiện thực, lãng mạn hoàn toàn có thể được thực hiện qua cách tổ chức hình tượng và biểu tượng đặc trưng của từng khuynh hướng. Ở YCCĐ ĐH nội dung, biểu tượng chính là phương tiện để HS phân tích chủ đề, tư tưởng và giá trị nhận thức, bởi thông điệp nghệ thuật thường được kết tinh trong những hình ảnh mang tính biểu trưng. Ở YCCĐ đọc liên hệ, so sánh và kết nối, biểu tượng tạo điều kiện đặt tác phẩm vào bối cảnh lịch sử - văn hoá, phong cách tác giả và tiến trình văn học, từ đó mở rộng khả năng đối thoại và phê bình. Bởi lẽ, biểu tượng mang tính liên VB và liên văn hoá: nó tích lũy lớp nghĩa từ truyền thống, từ bối cảnh lịch sử - xã hội và từ phong cách cá nhân. Khi HS đặt biểu tượng vào mạng lưới này, các em không chỉ hiểu tác phẩm đơn lẻ mà còn nhận diện được tiến trình văn học và sự vận động của tư tưởng nghệ thuật. Ngay cả YCCĐ đọc mở rộng, việc chủ động nhận diện và lý giải biểu tượng giúp HS hình thành một “công cụ đọc” bền vững khi tiếp cận các VB ngoài chương trình.

Như vậy, biểu tượng không chỉ là một đơn vị kiến thức riêng lẻ mà có khả năng bao quát và liên thông nhiều YCCĐ trong dạy học thơ; thông qua việc tổ chức ĐH biểu tượng theo quy trình, GV có thể đồng thời phát triển năng lực phân tích hình thức, giải mã nội dung, liên hệ văn hoá, lịch sử. Vì vậy, xét ở chiều sâu bản chất, biểu tượng không phải một nội dung rời rạc trong chương trình, mà là “cơ chế sinh nghĩa” trung tâm của thơ trữ tình hiện đại. Tổ chức dạy học theo trục ĐH biểu tượng chính là cách tích hợp và hiện thực hóa một cách hệ thống các YCCĐ của chương trình Ngữ văn 12.

3.1.3. Hệ thống biểu tượng trong văn bản thơ trữ tình hiện đại

Trong nghiên cứu thi pháp học, biểu tượng thường được nhận diện dựa trên một số đặc điểm như tính đại diện, khả năng gọi liên tưởng và khả năng xâm nhập lẫn nhau của các hình ảnh trong VB. Từ cơ sở lý luận về biểu tượng, kiến thức văn học và YCCĐ về biểu tượng, nghiên cứu xác lập các tiêu chí nhận diện biểu tượng trong VB thơ trữ tình Việt Nam hiện đại như sau: (1) Hình ảnh có sức gợi mạnh, thường gắn với thiên nhiên hoặc đời sống con người; (2) Ngôn ngữ mang tính cô đọng, đa nghĩa; dễ tạo liên tưởng; (3) Xuất hiện trong những bối cảnh đặc biệt; (4) Có vai trò liên kết với chủ đề, tư tưởng hoặc cảm hứng chủ đạo của văn bản. Hệ tiêu chí này giúp khách quan hóa quá trình nhận diện, định hướng HS dựa vào đặc điểm (tính đại diện, đa nghĩa và khả năng liên tưởng), vị trí xuất hiện (bối cảnh đặc biệt) và chức năng (liên kết với chủ đề, tư tưởng). Nhờ đó, biểu tượng được xác định không phải như một chi tiết rời rạc mà như một đơn vị mang

tính tổ chức nghĩa của toàn VB, tạo cơ sở cho việc phân tích sâu và đánh giá chính xác trong dạy học ĐH VB thơ.

Bảng 2. Thống kê một số biểu tượng chính trong các tác phẩm thơ trữ tình Việt Nam hiện đại Ngũ văn 12 Bộ KNTT với CS

STT	Tác phẩm, tác giả	Học kỳ	Một số biểu tượng chính	Ghi chú
1	<i>Tây tiến</i> (Quang Dũng)	I (Bài 2)	Tây Tiến, sông Mã, chiến trường...	Kiểu bài dạy học về tác gia; VB được nghiên cứu điển hình ở chương 2.
2	<i>Đàn ghi ta của Lor - ca</i> (Thanh Thảo)		tiếng ghi ta/ tiếng đàn, áo choàng đỏ, vàng trắng, dòng sông, li - la li - la li - la...	
3	<i>Mộ</i> (Hồ Chí Minh)		cánh chim, chòm mây, lò than...	
4	<i>Nguyên tiêu</i> (Hồ Chí Minh)	II (Bài 6)	trăng rằm, thuyền...	VB thực hành đọc; Hướng dẫn tự học trên lớp và ở nhà.
5	<i>Vọng nguyệt</i> (Hồ Chí Minh)			
6	<i>Cảnh khuya</i> (Hồ Chí Minh)		rượu, hoa, trăng, song cửa, suối...	
7	<i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu)	II (Bài 9)	mùa xuân, tuổi trẻ...	

Trong hệ thống các VB thơ trữ tình Việt Nam hiện đại ở Ngũ văn 12 (bộ KNTT với CS), nhiều tác phẩm được lựa chọn giàu giá trị biểu tượng, gắn với cảm hứng thời đại và chiều sâu văn hóa. Đây là nền tảng quan trọng để GV triển khai dạy học ĐH biểu tượng theo hướng giản lược, hiệu quả và phù hợp với năng lực tiếp nhận của HS. Bảng 2 thống kê một số biểu tượng chính trong các VB thơ trữ tình Việt Nam hiện đại được lựa chọn giảng dạy ở lớp 12, qua đó cho thấy tính phổ biến và đa dạng của biểu tượng được thể hiện trong SGK, bộ KNTT với CS. Trên cơ sở đó, việc xác lập định hướng mục tiêu dạy học ĐH biểu tượng là cần thiết nhằm cụ thể hóa các YCCĐ của chương trình và hỗ trợ GV tổ chức hoạt động đọc hiểu thơ một cách hiệu quả.

3.1.4. Định hướng mục tiêu dạy học đọc hiểu biểu tượng

3.1.4.1. Đọc hiểu hình thức

Bảng 3. Định hướng mục tiêu dạy học đọc hiểu biểu tượng dựa vào yêu cầu cần đạt về đọc hiểu hình thức và kiến thức văn học Ngũ văn 12

STT	Văn bản dạy học	Mục tiêu dạy học đọc hiểu biểu tượng	Ghi chú: Trích lược, phân tích yccđ theo từng văn bản của sách giáo viên
1	<i>Tây tiến</i> (Quang Dũng)	Nhận diện và phân tích các hình tượng, biểu tượng tiêu biểu (Tây Tiến, sông Mã, áo bào...).	“- HS phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ, qua đó rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ trữ tình hiện đại.” (Bùi et al., 2024b, p. 47)
2	<i>Đàn ghi ta của Lor - ca</i> (Thanh Thảo)	Nhận diện các yếu tố tượng trưng, siêu thực. Phân tích một số biểu tượng trung tâm (tiếng đàn, Lor - ca, vàng trắng...).	“- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực... được thể hiện trong bài thơ <i>Đàn ghi ta của Lor - ca</i> ...” (Bùi et al., 2024b, p. 52)
3	<i>Mộ</i> (Hồ Chí Minh)	Nhận diện đặc trưng thơ tứ tuyệt và bối cảnh sáng tác trong tập thơ <i>Nhật ký trong tù</i> . Nhận diện và phân tích các biểu tượng: cánh chim, chòm mây, lò than trong bài thơ.	“- HS nhận diện, phân tích, đánh giá được một số yếu tố trong thơ trữ tình viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh: <i>hoàn cảnh và cảm hứng sáng tác, cấu tứ, biện pháp tu từ</i> ...” (Bùi et al., 2024b, p. 19)
4	<i>Nguyên tiêu</i> (Hồ Chí Minh)	Đánh giá vai trò của thi liệu cổ điển trong cấu trúc biểu tượng.	
5	<i>Vọng nguyệt</i> (Hồ Chí Minh)	Phân tích biểu tượng trăng, nhà tù. Lý giải sự đối lập giữa hoàn cảnh giam cầm và tự do tinh thần.	
6	<i>Cảnh khuya</i> (Hồ Chí Minh)	Phân tích sự hòa hợp giữa cảm hứng thiên nhiên và tâm thế người chiến sĩ.	
7	<i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu)	Đánh giá sự sáng tạo trong cách sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh và một số thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu, trong đó có biểu tượng.	“- HS hiểu được các cách tân nghệ thuật đặc sắc của Xuân Diệu trong bài thơ.” (Bùi et al., 2024b, p. 83)

Từ bảng 3, phát triển năng lực ĐH hình thức của VB thơ đặt trọng tâm vào việc HS cần phân tích sâu sắc các yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại: “*Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại: Hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực*” (Durand, 1963, p. 72). Hình tượng giàu sức gợi; biểu tượng đa tầng nghĩa; yếu tố tượng trưng gắn với triết lý đời sống, xã hội và yếu tố siêu thực tạo nên chiều sâu vô thức. Qua đó, HS đánh giá được vai trò của các yếu tố trên trong việc thể hiện chủ đề và giá trị nghệ thuật của VB. Ở lớp 10 và 11, HS được hình thành kỹ năng nhận diện các yếu tố nghệ thuật cơ bản của thơ như hình ảnh, hình tượng, ngôn ngữ và nhịp điệu. Lên lớp 12, YCCĐ được phát triển theo chiều sâu khi yêu cầu HS phân tích các yếu tố của thi pháp thơ trữ tình hiện đại, trong đó biểu tượng, yếu tố tượng trưng và siêu thực giữ vai trò trung tâm. Sự phát triển này hướng HS tới việc lý giải mối quan hệ giữa hình thức nghệ thuật và tư tưởng của VB. Dưới đây là một số định hướng về mục tiêu dạy học ĐH hình thức thơ trữ tình Việt Nam hiện đại dựa trên YCCĐ về hình thức của ĐH thơ. Một số định hướng này đảm bảo tính cân đối về Kiến thức văn học, YCCĐ của chương trình và SGK.

3.1.4.2. Đọc hiểu nội dung

YCCĐ về ĐH nội dung trong thơ lớp 12 chú trọng về chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn truyền tải qua hình thức nghệ thuật. Ngoài ra, HS cần phát hiện được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ cùng các giá trị văn hóa và triết lý nhân sinh tiềm ẩn trong tác phẩm, góp phần phát triển năng lực cảm thụ văn học toàn diện.

Bảng 4. Định hướng mục tiêu dạy học đọc hiểu biểu tượng dựa vào yêu cầu cần đạt về đọc hiểu nội dung và kiến thức văn học, Ngữ văn 12

STT	Văn bản dạy học	Mục tiêu dạy học đọc hiểu biểu tượng	Ghi chú: Trích lược, phân tích yccđ, theo từng văn bản của sách giáo viên
1	<i>Tây tiến</i> (Quang Dũng)	Lý giải ý nghĩa các biểu tượng chính trong việc thể hiện cảm hứng lãng mạn và âm hưởng bi tráng trong bài thơ.	“- HS nhận biết được một số đặc điểm của phong cách lãng mạn được thể hiện trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> . - HS phân tích được giá trị... qua đó rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ trữ tình hiện đại.” (Bùi et al., 2024b, p. 47)
2	<i>Đàn ghi ta của Lor - ca</i> (Thanh Thảo)	Phân tích những thông điệp về cái đẹp, tự do, cái chết và nghệ thuật; đánh giá giá trị triết lý, văn hóa trong bài thơ.	“...qua đó cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của hình tượng <i>Gác - xi - a Lor - ca</i> và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời số phận và thơ ca của <i>Lor - ca</i> .” (Bùi et al., 2024b, p. 52)
3	<i>Mộ</i> (Hồ Chí Minh)	Lý giải sự vận động các biểu tượng qua không gian, thời gian trong bài thơ.	SGV không triển khai trực tiếp nội dung này.
4	<i>Nguyên tiêu</i> (Hồ Chí Minh)	Phân tích biểu tượng trăng và thuyền trong việc thể hiện tâm thế thi nhân - chiến sĩ.	
5	<i>Vọng nguyệt</i> (Hồ Chí Minh)	Phân tích sức mạnh tinh thần, bản lĩnh và tâm hồn thi sĩ trong thơ của Bác.	
6	<i>Cảnh khuya</i> (Hồ Chí Minh)	Trình bày được cảm nhận tình yêu thiên nhiên, đất nước và con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh.	
7	<i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu)	Rút ra được thông điệp về cuộc đời, ý thức cá nhân.	“- HS phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - HS phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của văn học được thể hiện trong tác phẩm” (Bùi et al., 2024b, p. 83).

Với những YCCĐ về nội dung tại bảng 4, ta thấy chương trình đã quan tâm đến những vấn đề liên quan đến đặc điểm, đặc biệt là ý nghĩa của biểu tượng: “*Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh từ văn bản.*” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b, p. 72). Biểu tượng là cầu nối giữa nghệ thuật và tư tưởng, giúp HS hiểu được “phần không nói hết” trong thơ. Đây là một YCCĐ có mức độ vận dụng - mức độ cao hơn so với YCCĐ về ĐH hình thức, yêu cầu HS không chỉ hiểu rõ hơn về đặc điểm nghệ thuật của thể loại mà còn mở rộng kiến thức về văn hóa, lịch sử và nhân loại.

3.1.4.3. Đọc liên hệ, so sánh và kết nối

YCCĐ này hướng đến phát triển năng lực ĐH thông qua khả năng liên hệ, so sánh và kết nối VB với các tác phẩm khác, bối cảnh lịch sử - văn hóa cũng như trải nghiệm sống của HS.

Bảng 5. Định hướng mục tiêu dạy học đọc hiểu biểu tượng dựa vào yêu cầu cần đạt về đọc liên hệ, so sánh và kết nối và kiến thức văn học Ngữ văn 12

STT	Văn bản dạy học	Mục tiêu dạy học đọc hiểu biểu tượng	Ghi chú: Trích lược, phân tích yccđ theo từng văn bản của sách giáo viên
1	<i>Tây tiến</i> (Quang Dũng)	So sánh biểu tượng người lính <i>Tây Tiến</i> với người lính trong <i>Đồng chí</i> (Chính Hữu) để nhận diện sự đa dạng trong biểu hiện lý tưởng sống và vẻ đẹp bản lĩnh cá nhân của người lính thời kháng chiến. Từ đó liên hệ lý tưởng sống và bản lĩnh cá nhân.	“- HS cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ, một thời đại; qua đó bồi đắp tình yêu quê hương xứ sở và mục đích sống cao đẹp.” (Bùi et al., 2024b, p. 47)
2	<i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> (Thanh Thảo)	So sánh biểu tượng “tiếng đàn” trong bài thơ và “chữ viết” trong truyện ngắn <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân để làm rõ vẻ đẹp của nghệ sĩ.	“- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân khi tiếp nhận văn bản thơ”. (Bùi et al., 2024b, p. 53)
3	<i>Mộ</i> (Hồ Chí Minh)	Liên hệ với các bài thơ khác trong <i>Nhật ký trong tù</i> để nhận diện phong cách thơ Hồ Chí Minh	SGV không triển khai trực tiếp nội dung này.
4	<i>Nguyên tiêu</i> (Hồ Chí Minh)	qua hệ thống biểu tượng thiên nhiên và con người.	
5	<i>Vọng nguyệt</i> (Hồ Chí Minh)	Đánh giá sự hoà quyện giữa chất cổ điển và tinh thần hiện đại, làm nổi bật biểu tượng ánh sáng:	
6	<i>Cảnh khuya</i> (Hồ Chí Minh)	sự sống - biểu hiện của nhân sinh quan tích cực và bản lĩnh tinh thần của nhà thơ - chiến sĩ.	
7	<i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu)	Đánh giá đóng góp của Xuân Diệu trong phong trào thơ Mới.	SGV không triển khai trực tiếp nội dung này.

Ở các lớp dưới, YCCĐ đọc liên hệ, so sánh chủ yếu dừng ở việc nhận diện điểm tương đồng và khác biệt giữa các VB cùng đề tài hoặc thể loại. Sang lớp 12, YCCĐ này được nâng cao theo hướng liên văn bản và lịch sử - văn hoá, đặc biệt có sự bám sát về thời đại. Từ YCCĐ của CT GDPT 2018, có thể khẳng định yếu tố văn hoá - lịch sử là một nội dung quan trọng trong dạy học VB VH. Tuy nhiên, trong VB thơ yêu tố này không được triển khai bằng diễn giải trực tiếp mà được “mã hoá” qua hệ thống biểu tượng nghệ thuật. Vì vậy, ĐH biểu tượng cần được xem là phương thức đặc trưng để nhận diện quan điểm văn hoá - lịch sử của tác giả, đặt tác phẩm vào bối cảnh sáng tác và mở rộng đối thoại với bối cảnh tiếp nhận hiện tại.

3.1.4.4. Đọc mở rộng

Yêu cầu phát triển năng lực ĐH thông qua YCCĐ về đọc mở rộng thơ lớp 12 thể hiện mức độ phức tạp và sâu sắc hơn hẳn so với các lớp dưới, tập trung vào việc phát triển tư duy phân biện, khả năng ĐH độc lập và kết nối đa chiều giữa VB với các lĩnh vực kiến thức liên quan.

Phát triển năng lực ĐH thông qua các YCCĐ đọc mở rộng nhằm thúc đẩy thói quen đọc văn học lâu dài, mở rộng vốn từ của cá nhân. HS được khuyến khích đọc tối thiểu 35 VB văn học trong năm học, bao gồm cả VB hướng dẫn trên mạng Internet với đa dạng thể loại và độ dài tương đương nội dung chương trình. Đồng thời, HS được yêu cầu học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích, góp phần nâng cao khả năng cảm thụ, hỗ trợ việc đưa các dẫn chứng vào các bài văn nghị luận văn học (Pearson, 2009).

Tóm lại, trong hệ thống YCCĐ ĐH thơ ở lớp 12, biểu tượng giữ vai trò liên kết giữa các khía cạnh hình thức; nội dung bài thơ; có thể liên hệ, so sánh và kết nối; mở rộng với các bài thơ khác. Thông qua việc nhận diện và phân tích biểu tượng, HS không chỉ khám phá được đặc điểm nghệ thuật của VB mà còn suy luận ý nghĩa tư tưởng, mở rộng liên hệ với các VB khác và làm sâu sắc trải nghiệm đọc cá nhân. Cách tiếp cận này góp phần bảo đảm tính thống nhất và hệ thống trong việc triển khai các YCCĐ, đồng thời phù hợp với định hướng phát triển năng lực của chương trình. Các mục tiêu dạy học ĐH biểu tượng được xác lập theo hướng kế thừa YCCĐ của chương trình và phát triển thành các mục tiêu hành động trong KHBĐ, bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá năng lực HS.

Bảng 6. Định hướng mục tiêu dạy học đọc hiểu biểu tượng dựa vào yêu cầu cần đạt về đọc mở rộng và kiến thức văn học Ngữ văn 12

STT	Văn bản dạy học	Mục tiêu dạy học đọc hiểu biểu tượng	Ghi chú: Trích lược, phân tích yccd theo từng văn bản của sách giáo viên
1	<i>Tây tiến</i> (Quang Dũng)	Đọc các văn bản khác hoặc các thể loại khác về đề tài chiến tranh - người lính; học thuộc những câu thơ ấn tượng. Gợi ý: <i>Đồng chí</i> (Chính Hữu); Trích đoạn này. <i>Những đứa con trong gia đình</i> (Nguyễn Thi); <i>Phim Người lính</i> (2020).	SGV không triển khai trực tiếp nội dung
2	<i>Đàn ghi ta của Lor - ca</i> (Thanh Thảo)	Đọc thêm thông tin về Lor - ca. Gợi ý: Trích tiểu sử và thơ Federico García Lorca (Tây Ban Nha); Tác phẩm hội họa này. trườ tượng thể kỷ XX...	SGV không triển khai trực tiếp nội dung
3	<i>Mộ</i> (Hồ Chí Minh)		
4	<i>Nguyên tiêu</i> (Hồ Chí Minh)	Đọc thêm một số tác phẩm thơ chữ Hán tiêu biểu qua hai giai đoạn trước và sau cách mạng tháng 8 năm 1945.	“- HS vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời của Hồ Chí Minh và phong cách thơ ca của tác giả để đọc hiểu các tác phẩm thơ chữ Hán của Người.” (Bùi et al., 2024b, p. 19).
5	<i>Vọng nguyệt</i> (Hồ Chí Minh)	Gợi ý: <i>Tấu lộ, Dạ bán, Đăng sơn</i> .	
6	<i>Cảnh khuya</i> (Hồ Chí Minh)		
7	<i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu)	Đọc thêm thơ Xuân Diệu, một số tác giả tiêu biểu của phong trào Thơ Mới. Gợi ý: <i>Thơ Duyên</i> (Xuân Diệu); <i>Tôi yêu em</i> (Puskin); <i>Một thời đại trong thi ca</i> (Hoài Thanh).	

3.2. Thảo luận

Từ cơ sở lý luận và YCCĐ của Chương trình Ngữ văn 2018, nghiên cứu đề xuất quy trình dạy học ĐH biểu tượng trong VB thơ theo ba giai đoạn của tiến trình đọc: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. Ở giai đoạn trước khi đọc, các hoạt động được tổ chức nhằm xác lập mục tiêu đọc hiểu, kích hoạt kiến thức nền và hình thành “chân trời mong đợi” cho việc tiếp nhận VB, qua đó định hướng HS chú ý đến các hình ảnh có khả năng biểu tượng hóa. Giai đoạn trong khi đọc, trọng tâm được đặt vào việc giúp HS trực tiếp kiến tạo nghĩa biểu tượng thông qua các thao tác nhận diện, phân loại và phân tích các biểu tượng trong mối quan hệ với cấu trúc và mạch cảm xúc của VB; đồng thời tổ chức các hoạt động thảo luận, đối thoại và hợp tác để làm rõ các tầng nghĩa của biểu tượng từ tả thực, cảm xúc đến tư tưởng - văn hóa. Ở giai đoạn sau khi đọc, HS được khuyến khích mở rộng và khái quát ý nghĩa biểu tượng thông qua việc soi chiếu trong bối cảnh văn hóa, liên hệ liên VB và thực hiện các hình thức phản hồi sáng tạo. Quy trình này giúp việc dạy học biểu tượng không tách rời các phương diện nghệ thuật khác của thơ mà trở thành trục liên kết các hoạt động ĐH, góp phần hình thành năng lực tiếp nhận văn bản thơ một cách hệ thống và sâu sắc.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy biểu tượng không chỉ là một yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại mà còn có khả năng liên kết các YCCĐ trong dạy học ĐH Ngữ văn 12. Từ góc độ chương trình, biểu tượng vừa thuộc bình diện hình thức, vừa là phương tiện biểu đạt nội dung tư tưởng và giá trị văn hoá - thẩm mỹ của tác phẩm. Vì vậy, tổ chức dạy học theo trục ĐH biểu tượng có thể tạo ra sự kết nối giữa các phương diện ĐH: nhận diện hình thức, lý giải nội dung và mở rộng liên hệ văn hoá - lịch sử. Khảo sát hệ thống VB thơ trong SGK Ngữ văn 12 (bộ KNTT với CS) cho thấy biểu tượng xuất hiện với tần suất cao và mang tính đa dạng, qua đó khẳng định vai trò của biểu tượng như một cơ chế sinh nghĩa quan trọng của thơ trữ tình hiện đại. Tuy nhiên, trong thực tiễn dạy học, việc tiếp cận biểu tượng vẫn gặp không ít khó khăn. Tính trừu tượng, đa nghĩa và khả năng liên tưởng rộng của biểu tượng dễ khiến HS lúng túng trong quá trình khám phá, đặc biệt khi việc tổ chức hoạt động học tập còn thiên về giảng giải khái niệm hơn là hướng dẫn thao tác ĐH. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng những định hướng dạy học mang tính giản lược và khả thi, giúp HS từng bước khám phá cấu trúc ý nghĩa của biểu tượng. Nghiên cứu đề xuất cách tiếp cận theo các bước cơ bản: nhận diện biểu tượng - phân tích ý nghĩa - liên hệ, mở rộng, qua đó hỗ trợ HS vừa hiểu đặc điểm nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại, vừa phát triển năng lực ĐH VB một cách chủ động và sâu sắc.

Lời cảm ơn: Công trình nghiên cứu liên quan đến bài viết này đã được đăng trong Kỷ yếu hội thảo NCYC 2025 với tiêu đề: Đọc hiểu biểu tượng trong văn bản thơ, Ngữ văn 12 (Nghiên cứu trường hợp văn bản “Mộ” của Hồ Chí Minh, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống). Mã số: NCYS_2025_34.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Bùi, M. H., Phan, H. D., Nguyễn, T. D. L., Đặng, L., Trần, H. M., Hà, V. M., Nguyễn, T. N., Đỗ, H. P., & Nguyễn, T. H. V. (2024a). *Ngữ văn 12, tập 1: Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bùi, M. H., Phan, H. D., Nguyễn, T. D. L., Trần, H. M., Nguyễn, T. N. M., Hà, V. M., Nguyễn, T. N., & Nguyễn, T. H. V. (2024b). *Ngữ văn 12, tập 2: Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bùi, M. H., Phan, H. D., Nguyễn, T. D. L., Đặng, L., Trần, H. M., Hà, V. M., Nguyễn, T. N., Đỗ, H. P., & Nguyễn, T. H. V. (2024c). *Ngữ văn 12: Sách giáo viên, tập 1: Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Chevalier, J., & Gheerbrant, A. (1997). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới: Huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số*. Nhà xuất bản Đà Nẵng & Trường viết văn Nguyễn Du.
- Durand, G. (1963). *Les structures anthropologiques de l'imaginaire: Introduction à l'archétypologie générale*. Presses Universitaires de France.
- Eliade, M. (1949). *Traité d'histoire des religions*. Payot.
- Đặng, T. N. (2017). *Dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình trong trường trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh* [Tài liệu nội sinh]. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- Jung, C. G. (1950). *Types psychologiques* (Y. Le Lay, Trans. & Pref.). Georg.
- Laplanche, J., & Pontalis, J.-B. (1967). *Vocabulaire de la psychanalyse*. Presses Universitaires de France.
- Pearson, P. D. (2009). The roots of reading comprehension instruction. In S. E. Israel & G. G. Duffy (Eds.), *Handbook of research on reading comprehension* (pp. 3–31). Routledge.

Symbols in poetic texts from the perspective of reading comprehension objectives in general education

Nguyen Thi Mai Huong

University of Sciences, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 29 December 2025

Received in revised form: 10 March 2026

Accepted: 18 March 2026

Published: 20 August 2026

Keywords:

Symbols;

Reading comprehension teaching;

Teaching methods;

Modern Vietnamese poetry;

Learning objectives.

Corresponding author:

Nguyen Thi Mai Huong

E-mail address:

nguyenmaihuong@husc.edu.vn

ABSTRACT

This article investigates symbols in poetic texts from the perspective of reading comprehension objectives in Grade 12 Vietnamese Language Education under the 2018 General Education Curriculum. Drawing on a synthesis of major theoretical perspectives on symbolism, the study clarifies key characteristics of symbols in poetic discourse. It also analyzes the expected learning outcomes and literary knowledge related to modern Vietnamese poetry in the Grade 12 curriculum, particularly in the Knowledge Connection with Life textbook series. In addition, the study surveys representative symbols in selected poetic texts to illustrate their role in organizing poetic meaning. Based on these findings, the article proposes orientations for defining teaching objectives in reading comprehension of symbols in poetry. These orientations aim to support teachers in organizing effective classroom practices while fostering students' reading comprehension competence and aesthetic appreciation of modern Vietnamese poetry.